TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 21 - 5 - 2021.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Quốc Thanh.

Bà Lê Thị Hồng Nhan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Thạch Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05/10/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thúy D, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1984 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 05/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thúy D trình bày: Chị và anh Trần Văn C kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/7/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không được hạnh phúc, đến năm 2015 thì ly thân, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi nhau, anh C có đánh chị, thời gian ly thân không có hàn gắn. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh C. Con chung có 01 cháu tên Trần Thị Thúy N, sinh

ngày 14/12/2009 hiện nay đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Trần Văn C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thúy D.

Tại phiên tòa ông Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 27, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thúy D đối với anh Trần Văn C; về con chung chị D trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Thúy N, sinh ngày 14/12/2009, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; bị đơn anh Trần Văn C có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc. Nguyên đơn chị Huỳnh Thúy D có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa D và anh C, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/7/2009, việc kết hôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn theo như chị D trình bày thì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, thường hay cự cải nhau và anh C có đánh chị, đến năm 2015 thì ly thân cho đến nay, thời gian ly thân không có hàn gắn, đối với anh C trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh đến Tòa án để tham gia hòa giải, mục đích hòa giải để anh chị hàn gắn tình cảm với nhau nhưng anh C không tham gia các phiên hòa giải, đồng thời cũng không tham gia phiên tòa xét xử vụ án, điều đó chứng tỏ anh có ý thức bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị D. Do đó có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình hôn nhân, chị D và anh C có 01 con chung tên Trần Thị Thúy N, sinh ngày 14/12/2009 hiện nay đang sống chung với chị D, khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án anh C không có yêu cầu gì về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi anh chị ly thân đến nay cháu N sống chung với chị D và tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên thì cháu N cũng có nguyện vọng được sống chung với chị D, để bảo đảm ổn định cho cuộc sống và học tập của cháu N thiết nghĩ nên để cho chị D tiếp tục nuôi con là phù hợp. Do chị D không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh C.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị D trình bày chị và anh C không có tài sản chung và nợ chung. Anh C không có ý kiến hay yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xác định anh chị có tài sản chung và nợ chung hay không nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này anh chị hoặc các bên liên quan có tranh chấp thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ nộp án phí: Chị D phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của ông Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thúy D.

Chị Huỳnh Thúy D được ly hôn với anh Trần Văn C.

[2] Về con chung: Chị Huỳnh Thúy D trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Thúy N, sinh ngày 14/12/2009 hiện nay đang sống chung với chị Huỳnh Thúy D; anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Huỳnh Thúy D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: Không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn chị Huỳnh Thúy D phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[6] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã H, huyện M,
tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx, ngày 08/7/2009) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện